

Bản án số: 14/2021/DSST

Ngày: 11/5/2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Nhác

2. Ông Tạ Đức Minh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lưu Tuấn Long – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Long Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa: Ông Bùi Bách Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 11/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 48/2020/TLST- KDTM ngày 05/11/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST- KDTM ngày 15/04/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2021/QĐST- HPT ngày 29/04/2021 giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)

Trụ sở: Tháp BIDV số 35 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức Tú - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Việt Hùng – Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Long Biên, Hà Nội

Ủy quyền lại: Ông Đoàn Trường Minh – Cán bộ ngân hàng (có mặt)

- Bị đơn: Công ty TNHH Vận tải và thương mại X;

Trụ sở: Nguyễn Sơn, phường Gia Thụy, quận Long Biên, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T – Giám đốc;

Trú tại: xã Hải Xuân, Hải Hậu, Nam Định (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2020 và các lời khai tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) trình bày:**

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Long Biên Hà Nội (sau đây gọi tắt là BIDV chi nhánh Long Biên Hà Nội) và Công ty TNHH X (sau đây gọi tắt là Công ty X) đã ký kết Hợp đồng tín dụng dài hạn số 150/2007/700 ngày 18/05/2007 và các Phụ lục Hợp đồng tín dụng dài hạn số 150/2007/700/PL05 ngày 19/4/2008, Phụ lục Hợp đồng tín dụng dài hạn số 150/2007/700/PL07 ngày 20/1/2009 với tổng số tiền cho vay tối đa là 23.500.000.000 đồng và số tiền đã giải ngân thực tế là 22.983.660.000 đồng thể hiện tại các Bảng kê rút vốn của Công ty X trong khoảng thời gian từ tháng 05/2007 đến tháng 01/2009; Mục đích vay vốn: Tài trợ dự án “Đầu tư đóng mới 03 tàu biển, hoạt động tuyến quốc tế, trọng tải 1.000 tấn” đóng tại Công ty cổ phần đóng tàu Y – Nam Định; thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vay đầu tiên trong đó: Thời gian trả nợ thực tế: 66 tháng, Thời gian ân hạn: 18 tháng; Điều kiện rút vốn vay: Thời hạn rút vốn theo tiến độ thực hiện dự án kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng 150/2007/700 đến hết ngày 28/2/2009; Lãi suất: lãi suất cho vay trong hạn năm 2007 là 11,64%, từ những năm sau trở đi áp dụng lãi suất cho vay thả nổi theo nguyên tắc: Lãi suất cho vay bằng: Lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ 12 tháng bình quân lãi trả sau của 4 ngân hàng TM Quốc doanh trên địa bàn cộng chi phí ngân hàng 3,3%/năm, lãi suất nợ quá hạn: Tối đa bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất gia hạn: Tối thiểu bằng 105% lãi suất cho vay trong hạn; Trả nợ: Lịch trả nợ gốc như sau: Trả nợ gốc 03 tháng/lần vào 05 ngày cuối cùng của tháng cuối của mỗi quý, bắt đầu trả nợ từ quý I/2009, trả lãi vay: Lãi được trả hàng tháng, vào ngày 25 của tháng; Thời gian ân hạn lãi vay hàng tháng tối đa là 05 ngày.

Hình thức bảo đảm tiền vay:

- Thế chấp toàn bộ tài sản đầu tư được hình thành bằng vốn tự có và vốn vay ngân hàng là 03 tàu biển trọng tải 1000 tấn thuộc dự án “Đầu tư đóng mới 03 tàu biển, hoạt động tuyến quốc tế, trọng tải 1.000 tấn” tại Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 150/2007/700/HĐBĐ ngày 18/5/2007 và các Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 150/2007/PL02 ngày 12/3/2008 và số 150/2007/700/HĐBĐ/PL03 ngày 01/10/2010 ký kết giữa ngân hàng và công ty X.

- Chuyển quyền thụ hưởng bảo hiểm toàn bộ vật chất thân vỏ tàu của 03 tàu tải trọng 1.000 tấn nêu trên được hình thành từ vốn vay Ngân hàng với người thụ hưởng đầu tiên là BIDV Bắc Hà Nội (nay là BIDV chi nhánh Long Biên Hà Nội) và việc thế chấp, cầm cố tàu biển được thực hiện ngay sau khi tàu biển hoàn thành, bàn giao cho chủ tàu và tàu được ghi vào sổ Đăng ký tàu biển quốc gia tại cơ quan đăng ký tàu biển và thuyền viên khu vực.

Ngoài ra bên vay cam kết bổ sung: Số dư tài khoản tiền gửi trên tài khoản của Công ty X tại BIDV Bắc Hà Nội và các tổ chức tín dụng khác, các khoản phải thu từ các hợp đồng kinh tế phát sinh mà Công ty X là người thụ hưởng...

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty X đã không thực hiện trả nợ gốc, lãi theo đúng lịch trả nợ đã cam kết trong hợp đồng tín dụng và các phụ lục hợp đồng kèm theo. Các khoản nợ phải cơ cấu nhiều lần và quá hạn lâu ngày dẫn đến nợ xấu, ngân hàng đã thực hiện hạch toán nợ xấu đối với toàn bộ dư nợ của công ty X.

Ngân hàng và Công ty X đã phối hợp thực hiện thu hồi và phát mại toàn bộ các tài sản đảm bảo của Công ty X là 03 tàu X 07, 08 và 09 tải trọng 1.000 tấn để thu hồi nợ vay. Đến thời điểm hiện tại Công ty X không còn tài sản đảm bảo tại ngân hàng và không còn khoản thu để trả nợ cho ngân hàng.

Nay, Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) khởi kiện Công ty X với nội dung như sau:

a/ Buộc Công ty X phải thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và lãi vay, phí phạt quá hạn theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 150/2007/700 ngày 18/5/2007 và các phụ lục kèm theo với tổng dư nợ tạm tính đến thời điểm khởi kiện là 30.688.685.527 đồng, cụ thể: Nợ gốc: 11.194.044.000 đồng; Nợ lãi quá hạn và phí phạt: 19.494.641.527 đồng.

b/ Đề nghị cơ quan chức năng kê biên và phát mại các tài sản khác thuộc sở hữu của Công ty X để thu hồi nợ tối đa cho ngân hàng.

c/ Công ty X phải chịu mọi chi phí phát sinh trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*** Bị đơn - Công ty TNHH X do ông Nguyễn Văn T – Giám đốc trình bày:**

Công ty TNHH Vận tải và Thương mại X (gọi tắt là công ty X) có địa chỉ đăng ký kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là số 29 ngõ 117 Nguyễn Sơn, phường Gia Thụy, quận Long Biên, Hà Nội, mã số doanh nghiệp 0102209057, Giấy chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 5/4/2007, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 14/12/2012, người đại diện theo pháp luật là tôi Nguyễn Văn T - Giám đốc. Ngày 18/12/2017 Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Hà Nội đã có quyết định số QĐTH/10033567 về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty X. Công ty đã trả lại nhà thuê tại địa chỉ đăng ký kinh doanh, tháo dỡ biển hiệu và không hoạt động sản xuất kinh doanh gì từ năm 2017 cho đến nay. Đến thời điểm hiện tại, Công ty X chưa đăng ký thủ tục giải thể, tạm ngừng hoạt động.

Tôi xác nhận Công ty X và Ngân hàng BIDV chi nhánh Long Biên Hà Nội đã ký kết Hợp đồng tín dụng dài hạn số 150/2007/700 ngày 18/05/2007 và các Phụ lục Hợp đồng tín dụng dài hạn số 150/2007/700/PL05 ngày 19/4/2008, Phụ lục Hợp đồng tín dụng dài hạn số 150/2007/700/PL07 ngày 20/1/2009 với tổng số tiền giải ngân trong khoảng thời gian từ tháng 05/2007 đến tháng 01/2009 là 22.983.660.000 đồng, mục đích vay vốn: Tài trợ dự án “Đầu tư đóng mới 03 tàu biển, hoạt động tuyến quốc tế, trọng tải 1.000 tấn” được đóng tại Công ty cổ phần đóng tàu Y – Nam Định với thời hạn vay, điều kiện rút vốn vay, lãi suất vay, thời gian trả nợ gốc và nợ lãi như đại diện ngân hàng trình bày là đúng. Công ty X đã nhận đủ số tiền vay trên theo hợp đồng tín dụng. Do quá trình kinh doanh thua lỗ nên công ty đã không thực hiện được trả nợ gốc, nợ lãi theo đúng cam kết giữa công ty và ngân hàng. Công ty X đã bàn giao 03 tàu biển trọng tải 1000 tấn thuộc dự án “Đầu tư đóng mới 03 tàu biển, hoạt động tuyến quốc tế, trọng tải 1.000 tấn” là tài sản bảo đảm cho khoản vay cho ngân hàng để cùng ngân hàng xử lý nợ vào năm 2015 và từ đó cho đến nay công ty không thanh toán gì thêm cho ngân hàng. Đối với khoản nợ Ngân hàng yêu cầu công ty thanh toán, Công ty X xác nhận số nợ trên là đúng, không thắc mắc, khiếu nại gì và đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của ngân hàng theo quy định pháp luật.

Do điều kiện sức khỏe, đại diện theo pháp luật của công ty có đơn xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của ngân hàng tự nguyện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc Công ty X phải chịu mọi chi phí phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án, phí phạt quá hạn và chỉ yêu cầu Tòa án buộc Công ty X phải thanh toán cho ngân hàng khoản tiền nợ gốc và tiền lãi quá hạn tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 32.262.847.965 đồng, trong đó: Nợ gốc: 11.194.044.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 21.068.803.965 đồng.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tại phiên tòa phát biểu ý kiến:**

- Về thời hiệu và thẩm quyền: Tòa án nhân dân quận Long Biên đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thời hiệu và thẩm quyền theo quy định;

- Thẩm phán lập hồ sơ, xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng và tiến hành trình tự, thủ tục giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS, đối với bị đơn đã có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Buộc Công ty X thanh toán số tiền nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 32.262.847.965 đồng, trong đó: Nợ gốc: 11.194.044.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 21.068.803.965 đồng. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc Công ty X phải chịu mọi chi phí phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án và phí phạt quá hạn. Về án phí: Nguyên đơn được hoàn trả tiền tạm ứng án phí và bị đơn phải chịu án phí KDTM sơ thẩm trên cơ sở số tiền phải trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả diễn biến tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) và Công ty TNHH Vận tải và Thương mại X (Công ty X) là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa hai pháp nhân đều có mục đích lợi nhuận nên xác định đây là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 1 Điều 30 BLTTDS.

Theo tài liệu Tòa án thu thập: Tại Công văn số 242/CCTT-ĐKKD ngày 04/02/2021 của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Hà Nội: Công ty X được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH có hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 0102209xxx, Giấy chứng nhận ĐKDN đăng ký lần đầu ngày 05/04/2007, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 14/12/2012, có địa chỉ trụ sở chính: Số 29 ngõ 117/18 Nguyễn Sơn, phường Gia Thụy, quận Long Biên, Hà Nội. Ngày 18/12/2017 Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế

hoạch và Đầu tư Tp Hà Nội đã có quyết định số QĐTH/10033567 về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty X. Đến thời điểm hiện tại doanh nghiệp chưa đăng ký thủ tục giải thể, tạm ngừng hoạt động.

Do Công ty X vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) đã làm đơn khởi kiện công ty đến Tòa án nhân dân quận Long Biên. Tranh chấp phát sinh giữa các bên là Tranh chấp về hợp đồng tín dụng và Công ty X có địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nằm trên địa bàn quận Long Biên nên TAND quận Long Biên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc Công ty X phải chịu mọi chi phí phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án và phí phạt quá hạn và việc rút yêu cầu là tự nguyện nên HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với các phần yêu cầu của ngân hàng đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và nợ lãi quá hạn, HĐXX nhận thấy: Hợp đồng tín dụng dài hạn số 150/2007/700 ngày 18/05/2007 và các Phụ lục Hợp đồng tín dụng dài hạn số 150/2007/700/PL05 ngày 19/4/2008, Phụ lục Hợp đồng tín dụng dài hạn số 150/2007/700/PL07 ngày 20/1/2009 kèm theo và các Bảng kê rút vốn của Công ty X từ tháng 05/2007 đến tháng 01/2009 được ký kết giữa BIDV chi nhánh Bắc Hà Nội (nay là BIDV chi nhánh Long Biên Hà Nội) và Công ty X, mục đích vay tiền tài trợ dự án “Đầu tư đóng mới 03 tàu biển, hoạt động tuyến quốc tế, trọng tải 1.000 tấn” đóng tại Công ty cổ phần đóng tàu Y – Nam Định, được hai bên thống nhất tự nguyện thỏa thuận, ký kết bởi những người có đủ thẩm quyền, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch được xác lập, mục đích và nội dung của hợp đồng, các phụ lục hợp đồng kèm theo, bảng kê rút vốn là phù hợp quy định pháp luật, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty X với BIDV là toàn bộ tài sản đầu tư được hình thành bằng vốn tự có và vốn vay ngân hàng là 03 tàu biển X 07, 08 và 09 trọng tải 1000 tấn thuộc dự án “Đầu tư đóng mới 03 tàu biển, hoạt động tuyến quốc tế, trọng tải 1.000 tấn” tại Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 150/2007/700/HĐBĐ ngày 18/5/2007 và các Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 150/2007/PL02 ngày 12/3/2008 và số 150/2007/700/HĐBĐ/PL03 ngày 01/10/2010 ký kết giữa ngân hàng và công ty X, có đầy đủ chữ ký của chủ sở hữu tài sản và đại diện ngân hàng. Hợp đồng đã được đăng ký theo đúng quy định pháp luật.

Do vậy hợp đồng tín dụng, các phụ lục hợp đồng tín dụng kèm theo, Bảng kê rút vốn, Hợp đồng thế chấp tài sản và các phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản trên là hợp pháp và là căn cứ để hai bên thực hiện.

Quá trình thực hiện hợp đồng, BIDV chi nhánh Long Biên Hà Nội đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là giải ngân cho Công ty X vay số tiền theo Hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng tín dụng kèm theo và các Bảng kê rút vốn đã ký kết thực tế là 22.983.660.000 đồng. Công ty X do ông Nguyễn Văn T giám đốc làm đại diện đã

nhận đủ số tiền vay trên để thực hiện dự án “Đầu tư đóng mới 03 tàu biển, hoạt động tuyến quốc tế, trọng tải 1.000 tấn” đóng tại Công ty cổ phần đóng tàu Y – Nam Định và đã nhận bàn giao đủ 03 chiếc tàu.

Do kinh doanh thua lỗ nên công ty X đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ đã cam kết với ngân hàng. Các khoản nợ phải cơ cấu nhiều lần và quá hạn lâu ngày dẫn đến nợ xấu, do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 6, 7 Hợp đồng tín dụng nên ngân hàng đã thực hiện hạch toán chuyển nợ quá hạn theo quy định tại Điều 8 Hợp đồng tín dụng đối với dư nợ của công ty. Công ty X đã thực hiện thu hồi bàn giao và thống nhất cùng ngân hàng phát mại toàn bộ các tài sản đảm bảo là 03 tàu X 07, 08 và 09 tải trọng 1.000 tấn thể hiện tại 03 hóa đơn tài chính giá trị gia tăng số 0000319 ngày 21/1/2015, số 0000320 ngày 22/1/2015 và số 0000321 ngày 26/1/2015 của Công ty X để trả một phần nợ cho ngân hàng và đến thời điểm hiện tại công ty không còn tài sản đảm bảo tại ngân hàng và không còn khoản thu để trả nợ cho ngân hàng. Xét sự thỏa thuận xử lý tài sản đảm bảo giữa ngân hàng và Công ty X là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và sau khi xử lý xong tài sản đảm bảo các bên đều không có thắc mắc, khiếu nại gì về quá trình xử lý phát mại tài sản nên cần được chấp nhận.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam xác nhận Công ty X còn nợ ngân hàng tổng số tiền là 32.262.847.965 đồng không có tài sản đảm bảo, trong đó: Nợ gốc: 11.194.044.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 21.068.803.965 đồng. Đại diện Công ty X cũng xác nhận kể từ thời điểm phát mại tài sản đảm bảo trả nợ ngân hàng cho đến nay công ty cũng không trả được nợ thêm cho ngân hàng. Hiện công ty X đã tạm ngừng kinh doanh, bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy phép kinh doanh nên cũng không còn tài sản hay nguồn thu gì để trả nợ cho ngân hàng. Đối với số tiền nợ ngân hàng khởi kiện yêu cầu công ty thanh toán, công ty X xác nhận là đúng, không thắc mắc khiếu nại gì và đề nghị giải quyết theo pháp luật. Vì vậy, HĐXX thấy Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam khởi kiện yêu cầu buộc Công ty X trả nợ là có căn cứ và đúng pháp luật nên cần chấp nhận. Buộc Công ty X phải trả nợ cho ngân hàng số tiền nợ gốc, nợ lãi quá hạn theo thỏa thuận được ký kết giữa hai bên trong Hợp đồng tín dụng dài hạn số 150/2007/700 ngày 18/05/2007 và các Phụ lục Hợp đồng tín dụng dài hạn số 150/2007/700/PL05 ngày 19/4/2008, Phụ lục Hợp đồng tín dụng dài hạn số 150/2007/700/PL07 ngày 20/1/2009 kèm theo, các Bảng kê rút vốn của công ty, tạm tính đến ngày 11/5/2021 như sau: Nợ gốc: 11.194.044.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 21.068.803.965 đồng; Tổng cộng: 32.262.847.965 đồng. Như vậy tổng số tiền Công ty X phải trả nợ cho ngân hàng là: 32.262.847.965 đồng.

Đối với yêu cầu tuyên ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan chức năng kê biên và phát mại các tài sản khác thuộc sở hữu của Công ty X để thu hồi nợ tối đa cho ngân hàng, nhận thấy đây là giai đoạn thi hành án dân sự không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên HĐXX không xét.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Bị đơn – Công ty TNHH Vận tải và Thương mại X

phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải thanh toán trả cho nguyên đơn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, 266, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 280, 281, 290, 292, 302, 305, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005;
- Điều 50, 51, 54 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997;
- Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) đối với Công ty TNHH Vận tải và Thương mại X.

- Buộc Công ty TNHH Vận tải và Thương mại X phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 150/2007/700 ngày 18/05/2007 và các Phụ lục Hợp đồng tín dụng dài hạn số 150/2007/700/PL05 ngày 19/4/2008, Phụ lục Hợp đồng tín dụng dài hạn số 150/2007/700/PL07 ngày 20/1/2009 kèm theo và các Bảng kê rút vốn của Công ty TNHH Vận tải và Thương mại X từ tháng 05/2007 đến tháng 01/2009, tạm tính đến ngày 11/5/2021 là **32.262.847.965** (Ba mươi hai tỷ, hai trăm sáu hai triệu, tám trăm bốn bảy nghìn, chín trăm sáu mươi lăm) đồng, trong đó nợ gốc: 11.194.044.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 21.068.803.965 đồng;

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện buộc Công ty TNHH Vận tải và Thương mại X phải chịu mọi chi phí phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án và phí phạt quá hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

2. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH Vận tải và Thương mại X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng dài hạn số 150/2007/700 ngày 18/05/2007 và các Phụ lục Hợp đồng tín dụng dài hạn số 150/2007/700/PL05 ngày 19/4/2008, Phụ lục Hợp đồng tín dụng dài hạn số 150/2007/700/PL07 ngày 20/1/2009, Bảng kê rút vốn của Công ty TNHH Vận tải và Thương mại X từ tháng 05/2007 đến tháng 01/2009. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các phụ lục kèm theo các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam thì lãi suất mà Công ty TNHH Vận tải và Thương mại X vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

3. Về án phí: Công ty TNHH Vận tải và Thương mại X phải chịu án phí KDTM sơ thẩm là 140.262.847 đồng. Hoàn trả Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt

Nam số tiền tạm ứng án phí KDTM sơ thẩm là 69.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên theo BL số 0016586 ngày 04/11/2020.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự

Án xử công khai sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- Chi cục THADS quận Long Biên;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐẶNG VĂN NGỌC